

Bản án số: 80/2021/HS-ST
Ngày: 29/7/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đỗ Thị Hân

- Bà Lê Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Khoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Thị Hạnh T** (tên gọi khác: không); sinh ngày 10/12/1989, tại B, Quảng Ninh; nơi đăng ký thường trú: khu 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: khu 8, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1962 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1970; chồng: Nguyễn Thành D (đã ly hôn); con: có 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2021, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Hữu T** (tên gọi khác: không); sinh ngày 29/01/1995, tại K, Thái Bình; nơi đăng ký thường trú: khu 6, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: khu 8, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân H, sinh năm 1962 và bà Khắc Thị H, sinh năm 1965; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa; nhân thân: Ngày 27/6/2013, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2021, hiện tạm giam tại Nhà

tạm giữ Công an thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Bùi Mạnh T** (tên gọi khác: không); sinh ngày 27/10/1991, tại M, Quảng Ninh; nơi đăng ký thường trú: thôn B, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1971; vợ: Lý Thị T, sinh năm 1993; con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo đầu thú ngày 10/01/2021, bị tạm giữ đến ngày 19/01/2021, ngày 19/01/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Phạm Văn H** (tên gọi khác: không); sinh ngày 10/10/1993, tại M, Quảng Ninh; nơi đăng ký thường trú: thôn B, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1958 và bà Bùi Thị B, sinh năm 1959; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 10/01/2021, bị tạm giữ đến ngày 19/01/2021, ngày 19/01/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Phạm Thị M, sinh năm 1983; Nơi cư trú: thôn B, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Thị Hạnh T quen biết với một người đàn ông có tên tài khoản là “Tiến Tùng” thông qua mạng xã hội Zalo. Ngày 09/01/2021, người này đặt vấn đề mua của T 150 cây thuốc lá điều nhãn hiệu Shuang Xi (tương ứng 1.500 bao thuốc lá) với giá 37.500.000 đồng. T đồng ý rồi bàn bạc với bạn trai là Phạm Hữu T về việc sẽ tìm mua thuốc lá nhập lậu rồi bán lại cho người này kiếm lời. Sau đó, T liên lạc với Phạm Văn H nhờ mua thuốc lá thì H nói mua được của Bùi Mạnh T 150 cây thuốc lá loại trên với giá 36.000.000 đồng. T, T và H thống nhất số tiền chênh lệch 1.500.000 đồng thu được từ việc buôn bán thuốc lá sẽ chia cho H một nửa còn T và T hưởng một nửa.

Khoảng 08 giờ ngày 10/01/2021, người đàn ông trên liên lạc với T, hẹn giao hàng ở kho số 146 đường M thuộc khu 2, phường K, thành phố M và đặt vấn đề mua thêm 10 cây thuốc lá điều nhãn hiệu ZhenLong. T đồng ý và thỏa thuận giá 700.000 đồng/cây. Sau đó, T cùng T và H đi đến nhà T ở thôn B, xã V, thành phố M cùng T đóng 150 cây thuốc lá Shuang Xi vào 02 thùng xốp và 01 thùng bìa carton nhằm mục đích ngụy trang, rồi thuê 01 xe taxi để T chở đến điểm hẹn trước. Còn H và T đi tìm và mua được 05 cây thuốc lá ZhenLong của một người đàn ông không rõ lai lịch, địa chỉ tại trước cửa Ủy ban nhân dân phường N, thành phố M với giá 600.000 đồng/cây. Trong khi chờ xe, T hỏi mua được của T thêm

03 cây thuốc lá ZhenLong với giá 395.000 đồng/cây. Tổng cộng số thuốc lá ZhenLong mà T, T, H mua được là 08 cây thuốc (tương ứng 80 bao thuốc).

Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, T, T, H đến số 146 M gặp người đàn ông trên. Sau khi kiểm tra hàng, ông ta bảo T, T, H đứng đợi để đi lấy tiền trả. Khoảng 02 - 03 phút sau thì lực lượng công an thành phố Móng Cái đến kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm: 1.500 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Shuang Xi; 80 bao thuốc lá điều nhãn hiệu ZhenLong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi gắn sim số 0969.004.078 của Trần Thị Hạnh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus gắn sim số 0869.650.260 và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Hữu T; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X gắn sim số 0979.816.193; 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo LX, biển kiểm soát 14H8 - 9386 và căn cước công dân mang tên Phạm Văn H.

Đến 15 giờ cùng ngày, sau khi biết T, T và H bị bắt, nên Bùi Mạnh T đã đến Công an thành phố Móng Cái đầu thú, giao nộp 52 cây thuốc lá điều nhãn hiệu NANJING (tương ứng 520 bao thuốc); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 gắn sim số 0968.963.821 và 01 căn cước công dân mang tên Bùi Mạnh T.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Thị Hạnh T và Phạm Hữu T tại khu 8, phường H, thành phố M, Cơ quan điều tra Công an thành phố Móng Cái đã thu được: 860 bao thuốc lá điều nhãn hiệu LIGUN; 2.430 bao thuốc lá điều nhãn hiệu MU màu đen - vàng; 2.970 bao thuốc lá điều nhãn hiệu MU màu đen - đỏ; 440 bao thuốc lá điều nhãn hiệu MU màu xanh - đen. Tổng cộng là 6.700 bao thuốc lá điều, tất cả đều là loại 20 điều/01 bao.

Tại Chứng thư giám định về xuất xứ và tình trạng hàng hóa của Công ty cổ phần tập đoàn VinaControl chi nhánh Quảng Ninh xác định: Toàn bộ số thuốc lá điều gửi giám định gồm 1.500 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Shuang Xi, 80 bao thuốc lá điều nhãn hiệu ZhenLong, 860 bao thuốc lá điều nhãn hiệu LIGUN, 2.430 bao thuốc lá điều MU màu đen - vàng, 2.970 bao thuốc lá điều MU màu đen - đỏ, 440 bao thuốc lá điều MU màu xanh - đen, 520 bao thuốc lá điều NANJING đều không sản xuất tại Việt Nam.

Ngày 12/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Móng Cái tiến hành tiêu hủy toàn bộ số thuốc lá nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Trần Thị Hạnh T, Phạm Hữu T, Phạm Văn H, Bùi Mạnh T khai nhận phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung vụ án nêu trên. Ngoài ra, T khai nhận nguồn gốc 150 cây thuốc lá điều nhãn hiệu Shuang Xi, 03 cây thuốc lá ZhenLong T bán cho T, T, H và 520 bao thuốc lá NANJING T giao nộp là do T mua được của một người đàn ông tên C không rõ lai lịch, địa chỉ và một số người không quen biết với mục đích để bán lại kiếm lời. T và T khai nhận nguồn gốc 6.700 bao thuốc lá điều thu giữ tại nhà T và T là của vợ chồng anh Ninh Văn P, sinh năm 1981 và chị Tạ Thị X, sinh năm 1986; cùng trú tại khu 3, phường H, thành phố M nhờ T và T giữ hộ từ tháng 10/2020. Tuy nhiên, anh P và

chị X không thừa nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị M có lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa thể hiện: Chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo LX, màu đỏ, biển kiểm soát 14H8 - 9386 là của chị và chồng (anh Bùi Tiến C) mua vào năm 2010. Tuy nhiên, do anh C đi làm ăn xa không sử dụng đến nên chị và anh C thống nhất cho Phạm Văn H (em trai ruột của chị M) mượn để đi làm từ đầu năm 2020, việc H sử dụng chiếc xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội ngày 10/01/2021 chị M không biết.

Đối với người đàn ông đặt mua thuốc lá điều của Trần Thị Hạnh T, người đàn ông tên C bán thuốc lá điều cho T cùng những người đàn ông bán thuốc lá điều cho T, H và T quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lại lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Ninh Văn P và Tạ Thị X là người mà T, T khai là chủ sở hữu 6.700 bao thuốc lá điều nhập lậu, nhờ T và T cất giấu tại nhà trọ nhưng trong quá trình điều tra không chứng minh được P và X có liên quan đến số thuốc lá này nên không có căn cứ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 70/CT-VKS-MC, ngày 31/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái truy tố các bị cáo Trần Thị Hạnh T, Phạm Hữu T về tội “Buôn bán hàng cấm” và “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 và điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Bùi Mạnh T, Phạm Văn H về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với các bị cáo Trần Thị Hạnh T, Phạm Hữu T, Bùi Mạnh T, Phạm Văn H. Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị với Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Hạnh T, Phạm Hữu T phạm tội “Buôn bán hàng cấm” và “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 và điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Bùi Mạnh T, Phạm Văn H về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 190; điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Hạnh T từ 18 đến 21 tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”; từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội “Tàng trữ hàng cấm”. Tổng hợp hình phạt của hai tội từ 07 năm đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/01/2021.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hữu T từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”; từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội “Tàng trữ hàng cấm”. Tổng hợp hình phạt của hai tội từ 06 năm 09 tháng đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/01/2021.

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Mạnh T từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng về tội “Buôn bán hàng cấm”, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng về tội “Buôn bán hàng cấm”, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Mạnh T, Phạm Văn H cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, thành phố M trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng và xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho chị Phạm Thị M 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo LX, màu đỏ, biển kiểm soát 14H8 - 9386, số khung: PLCN5P110AY222131, số máy: 5P11 – 222142.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn H 01 (một) căn cước công dân số 022093003022, mang tên Phạm Văn H, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 26/3/2018.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Hữu T 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 101285430, mang tên Phạm Hữu T, do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 23/11/2012.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Mạnh T 01 (một) căn cước công dân số 022091002290, mang tên Bùi Mạnh T, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03/7/2017.

- Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen, số IMEI: 354875090104248 và 01 (một) chiếc sim; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu ghi, số IMEI: 353298071982584 và 01 (một) chiếc sim; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, số IMEI 1: 869323047021007, số IMEI 2: 869323047021015

và 01 (một) chiếc sim; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi, số IMEI: 355697072940723 và 01 (một) chiếc sim.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Thị Hạnh T, Phạm Hữu T, Bùi Mạnh T, Phạm Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng truy tố các bị cáo. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Móng Cái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo Trần Thị Hạnh T, Phạm Hữu T, Bùi Mạnh T, Phạm Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét; sơ đồ, bản ảnh hiện trường; biên bản xác định hiện trường; chứng thư giám định về xuất xứ và tình trạng cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 10/01/2021, tại số 146 đường M thuộc khu 2, phường K, thành phố M, các bị cáo Trần Thị Hạnh T, Phạm Hữu T, Phạm Văn H có hành vi buôn bán 1.500 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Shuang Xi và 80 bao thuốc lá điều nhãn hiệu ZhenLong. Tổng cộng là 1.580 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Shuang Xi và ZhenLong, thì bị phát hiện bắt quả tang.

Bị cáo Bùi Mạnh T có hành vi buôn bán 1.500 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Shuang Xi, 30 bao thuốc lá điều nhãn hiệu ZhenLong và tàng trữ 520 bao thuốc lá điều nhãn hiệu NANJING tại nhà ở thôn B, xã V, thành phố M với mục đích để bán lại cho người khác kiếm lời.

Ngoài ra, từ tháng 10/2020 bị cáo Trần Thị Hạnh T và bị cáo Phạm Hữu T có hành vi tàng trữ 6.700 bao thuốc lá điều nhãn hiệu LIGUN và MU tại nhà ở khu 8, phường H, thành phố M. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trần Thị Hạnh T, Phạm Hữu T phạm tội “Buôn bán hàng cấm” và tội “Tàng trữ hàng cấm” tội danh và hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 và điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Bùi Mạnh T, Phạm Văn H, phạm tội “Buôn bán hàng cấm” tội danh và hình phạt quy định tại điểm b

khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái truy tố các bị cáo với tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền của nhà nước trong quản lý một số mặt hàng cấm. Thuốc lá điều nhập lậu là loại hàng hóa mà nhà nước cấm nhưng do ham lợi các bị cáo Trần Thị Hạnh T, Phạm Hữu T, Phạm Văn H đã có hành vi buôn bán 1.580 bao thuốc lá điều, bị cáo Bùi Mạnh T có hành vi buôn bán 1.530 bao thuốc lá điều và tàng trữ 520 bao thuốc lá điều nhập lậu nhằm mục đích bán kiếm lời. Ngoài ra, từ tháng 10/2020 bị cáo Trần Thị Hạnh T, Phạm Hữu T có hành vi tàng trữ 6.700 bao thuốc lá điều nhập lậu. Hành vi của các bị cáo không những gây thất thu cho ngân sách nhà nước mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng tới trật tự, an ninh xã hội, tác động xấu đến sức khỏe cộng đồng, do đó hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm.

[3] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Trần Thị Hạnh T giữ vai trò chính trong vụ án, vì T đã cùng T tàng trữ thuốc lá điều nhập lậu, đồng thời đã chủ động khởi xướng bàn bạc với T tìm mua thuốc lá điều nhập lậu về bán kiếm lời, chủ động liên lạc với H nhờ mua thuốc lá, nên bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao nhất; tiếp theo là bị cáo Phạm Hữu T đã cùng với T tàng trữ thuốc lá điều nhập lậu, sau khi được bị cáo T khởi xướng đã tiếp nhận ý trí, tích cực trong việc tìm mua thuốc lá điều nhập lậu, nên bị cáo T phải chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo T; tiếp theo là bị cáo Bùi Mạnh T sau khi bị cáo H hỏi mua thuốc lá điều nhập lậu đã tích cực đi mua về bán cho T, T, H khi ra đầu thú còn giao nộp 520 bao thuốc lá điều nhập lậu, nên bị cáo H phải chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo T; cuối cùng là bị cáo Phạm Văn H sau khi được bị cáo T nhờ mua thuốc lá điều nhập lậu đã chủ động liên lạc với bị cáo T và cùng với bị cáo T đi mua thuốc lá điều nhập lậu để bán kiếm lời, nên bị cáo H phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình nhưng thấp hơn bị cáo T.

[4] Xét nhân thân các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo Phạm Hữu T có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái xét xử, xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Thị Hạnh T, Phạm Hữu T, Bùi Mạnh T, Phạm Văn H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, chính quyền địa phương nơi các bị cáo T, T cư trú xác nhận các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ; các bị cáo H, T được Công an xã V, thành phố M xác nhận các bị cáo trong thời gian tại ngoại đã chấp hành tốt pháp luật của nhà nước và quy định của địa phương nơi bị cáo cư trú, do đó các bị cáo được

áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Phạm Văn H được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận trong thời gian trước và sau khi phạm tội luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước và quy định của địa phương, bị cáo đang sống với bà nội ngoài 90 tuổi và bố mẹ già ngoài tuổi lao động, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên hoàn cảnh gia đình rất khó khăn; bị cáo Bùi Mạnh T sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên bị cáo H, T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 4 Điều 190; khoản 4 Điều 191 của Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, do đó không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, số lượng thuốc lá điều thu giữ của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử lý nghiêm các bị cáo cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, các bị cáo Bùi Mạnh T, Phạm Văn H có nhân thân tốt ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và có khả năng tự cải tạo ngoài xã hội nếu không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, chưa cần thiết buộc các bị cáo T, H phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo thành người lương thiện, công dân có ích cho xã hội.

[6] Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Toàn bộ 8.800 bao thuốc lá điều do nước ngoài sản xuất thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra đã thực hiện việc giám định, số lượng còn lại đã bị ẩm mốc, mất mùi, không đảm bảo chất lượng cơ quan giám định kết luận không còn giá trị sử dụng; 02 (hai) vỏ thùng xốp; 01 (một) thùng bìa carton và các túi nilon màu đen là vật chứng các bị cáo cất giấu số thuốc lá phạm pháp, không còn giá trị sử dụng. Ngày 12/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Móng Cái đã ra Quyết định xử lý vật chứng và tiêu hủy toàn bộ vật chứng nêu trên, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo LX, màu đỏ, biển kiểm soát 14H8 - 9386, số khung: PLCN5P110AY222131, số máy: 5P11 - 222142. Đây là tài sản hợp pháp của chị Phạm Thị M (chị gái ruột của H) cùng

chồng là Bùi Tiến C. Chị M, anh C cho bị cáo H mượn chiếc xe mô tô trên nhưng không biết việc H sử dụng để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị M.

- 01 (một) căn cước công dân số 022093003022, mang tên Phạm Văn H, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 26/3/2018; 01 (một) căn cước công dân số 022091002290, mang tên Bùi Mạnh T, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03/7/2017; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 101285430, mang tên Phạm Hữu T, do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 23/11/2012 quá trình điều tra không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho bị cáo H, T, T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen, bên trong lắp 01 (một) sim liên lạc số 0979.816.193 thu giữ của bị cáo H; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu ghi, bên trong lắp 01 (một) sim liên lạc số 0869.650.260 thu giữ của bị cáo T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, bên trong lắp 01 (một) sim liên lạc số 0969.004.078 thu giữ của bị cáo T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi, bên trong lắp 01 (một) sim liên lạc số 0968.963.821 thu giữ của bị cáo T, đều đã qua sử dụng đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm: Cần buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với người đàn ông đặt mua thuốc lá điếu của Trần Thị Hạnh T, người đàn ông tên C bán thuốc lá điếu cho T cùng những người đàn ông bán thuốc lá điếu cho T, H và T quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Ninh Văn P và Tạ Thị X là người mà T, T khai là chủ sở hữu 6.700 bao thuốc lá điếu nhập lậu, nhờ T và T cất giấu tại nhà trọ nhưng trong quá trình điều tra không chứng minh được P và X có liên quan đến số thuốc lá này nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo **Trần Thị Hạnh T, Phạm Hữu T** phạm tội “Buôn bán hàng cấm” và tội “Tàng trữ hàng cấm”; các bị cáo **Bùi Mạnh T, Phạm Văn H** phạm tội “Buôn bán hàng cấm”;

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 190; điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Hạnh T 18 (mười tám) tháng tù, về tội “Buôn bán hàng cấm”; 06 (sáu) năm tù, về tội “Tàng trữ hàng cấm”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Trần Thị Hạnh T phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/01/2021.

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 190; điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hữu T 18 (mười tám) tháng tù, về tội “Buôn bán hàng cấm”; 06 (sáu) năm tù, về tội “Tàng trữ hàng cấm”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Phạm Hữu T phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/01/2021.

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2; Điều 5; Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Mạnh T 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2; Điều 5; Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Mạnh T, Phạm Văn H cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, thành phố M trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào: điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đã áp dụng đối với bị cáo Phạm Văn H, Bùi Mạnh T theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 43 và 44/2021/HSST-

LCCT, ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

*. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho chị Phạm Thị M 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo LX, màu đỏ, biển kiểm soát 14H8 - 9386, số khung: PLCN5P110AY222131, số máy: 5P11 - 222142.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Hữu T 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 101285430, mang tên Phạm Hữu T, do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 23/11/2012.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Mạnh T 01 (một) căn cước công dân số 022091002290, mang tên Bùi Mạnh T, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03/7/2017.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn H 01 (một) căn cước công dân số 022093003022, mang tên Phạm Văn H, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 26/3/2018.

- Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen, số IMEI: 354875090104248 và 01 (một) chiếc sim; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu ghi, số IMEI: 353298071982584 và 01 (một) chiếc sim; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, số IMEI 1: 869323047021007, số IMEI 2: 869323047021015 và 01 (một) chiếc sim; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi, số IMEI: 355697072940723 và 01 (một) chiếc sim.

(Tình trạng số vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng số 93/2021/THA, ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và Cơ quan CSĐT Công an thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh).

*. Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Thị Hạnh T, Phạm Hữu T, Bùi Mạnh T, Phạm Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- CQĐT Công an thành phố Móng Cái;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Móng Cái;
- Thi hành án HS+DS;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương